

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

TS. Phạm Đức Cường - TS. Trần Mạnh Dũng (CPA)

THUẾ & KẾ TOÁN THUẾ VIỆT NAM

“LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH”



NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

Đồng chủ biên:

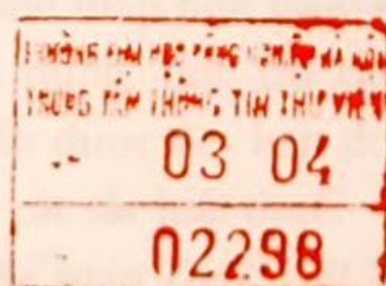
TS. PHẠM ĐỨC CƯỜNG - TS. TRẦN MẠNH DŨNG (CPA)

**VIỆN KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

THUẾ VÀ KẾ TOÁN THUẾ VIỆT NAM

Lý thuyết và Thực hành

(Sách chuyên khảo)



**NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH
HÀ NỘI - 2016**

LỜI NÓI ĐẦU

Ngân sách nhà nước được hình thành chủ yếu từ các khoản đóng góp của thuế từ phía các đơn vị nộp thuế. Trách nhiệm từ phía các doanh nghiệp là đóng đúng, đóng đủ các khoản nghĩa vụ về thuế. Cũng như các nước trên thế giới, Việt Nam đã và đang dần hoàn thiện hệ thống thuế theo hướng hòa nhập với thông lệ quốc tế.

Với tư cách là doanh nghiệp, họ phải tuân thủ rất nhiều các sắc thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Để hiểu được đầy đủ các sắc luật thuế và thực hiện đúng theo các nội dung của sắc luật thuế là điều không hoàn toàn đơn giản. Luôn có sự mâu thuẫn về lợi ích giữa cơ quan thuế và doanh nghiệp cho dù có đầy đủ các sắc luật thuế. Các doanh nghiệp thường có thiên hướng kê khai thuế thấp hơn thực tế, trong khi đó cơ quan thuế lại muốn tính đúng, tính đủ các khoản nghĩa vụ thuế. Khoảng cách này dần được thu hẹp do sự hiểu biết tăng lên của người nộp thuế về các sắc luật thuế.

Cuốn sách "*Thuế và Kế toán Thuế Việt Nam: Lý thuyết và Thực hành*" được biên soạn bởi các giảng viên và những người hành nghề có nhiều kinh nghiệm cả về lý luận và thực tiễn về thuế và kế toán thuế. Cụ thể:

- TS. Phạm Đức Cường, Giám đốc Ban Đào tạo, Viện Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học KTQD biên soạn Chương 1, 3, 4, và Chương 7.

- TS. Trần Mạnh Dũng, Kiểm toán viên Quốc gia số 150,

Phó Giám đốc Ban Đào tạo, Viện Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học KTQD biên soạn Chương 2, 5, 8.

- **CN. Phạm Hồng Quân**, Phó Trưởng phòng Tài chính Chi nhánh Viettel Thành phố Hồ Chí Minh, Tập đoàn Viễn thông Quân đội biên soạn Chương 6.

Ngoài việc giới thiệu những nội dung cơ bản nhất về các sắc luật thuế và kế toán thuế được cập nhật, nhóm tác giả đã cố gắng đưa ra nhiều ví dụ minh họa nhằm giúp cho các doanh nghiệp dễ dàng hơn trong việc áp dụng các sắc luật thuế.

Cuốn sách này được biên soạn trong điều kiện hệ thống thuế của Việt Nam đang có sự cải cách mạnh mẽ và đang trong quá trình hội nhập sâu rộng với nền kinh tế quốc tế; trong đó có lĩnh vực thuế. Nhóm tác giả cũng nhận được ý kiến chia sẻ, đóng góp từ phía các Trường Đại học trên địa bàn Hà Nội, Hội Tư vấn Thuế Việt Nam, Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam, Tổng Cục Thuế, Bộ Tài chính và các tổ chức quốc tế nơi mà các tác giả có thời gian cộng tác tại The World Bank, ADB. Mặc dù vậy trong việc biên soạn tài liệu này cũng không thể tránh khỏi các sai sót, nhóm tác giả xin nhận những ý kiến đóng góp của độc giả để tài liệu được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn.

Các tác giả

MỤC LỤC

Lời nói đầu	5
-------------------	---

Chương 1

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HỆ THỐNG THUẾ VÀ KẾ TOÁN THUẾ VIỆT NAM

1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HỆ THỐNG THUẾ VIỆT NAM	
1.1.1. Khái niệm thuế và đặc điểm của hệ thống thuế	23
1.1.2. Phân loại hệ thống thuế.....	26
1.1.2.1. Phân loại theo thẩm quyền đánh thuế.....	26
1.1.2.2. Phân loại theo cơ sở thuế.....	27
1.1.2.3. Phân loại theo phương thức đánh thuế.....	28
1.1.2.4. Phân loại dựa theo mối quan hệ giữa thuế với thu nhập	30
1.1.2.5. Phân loại theo cách thiết kế mức thu.....	31
1.1.3. Công dụng và vai trò của thuế.....	32
1.1.3.1. Thuế là nguồn thu cho ngân sách Nhà nước	32
1.1.3.2. Thuế nhằm đảm bảo công bằng xã hội	32
1.1.3.3. Thuế để điều tiết vĩ mô nền kinh tế.....	32

1.2. HỆ THỐNG THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ VIỆT NAM

1.2.1. Các yếu tố cấu thành một sắc thuế33

1.2.1.1. Tên gọi của một sắc thuế33

1.2.1.2. Đối tượng nộp thuế34

1.2.1.3. Cơ sở tính thuế34

1.2.1.4. Mức thuế35

1.2.1.5. Ưu đãi thuế38

1.2.1.6. Trách nhiệm, nghĩa vụ của đối tượng nộp thuế38

1.2.1.7. Thủ tục kê khai, thu nộp và quyết toán thuế39

1.2.2. Nguyên tắc quản lý thuế39

1.2.3. Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế40

1.2.4. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý thuế41

1.2.5. Nội dung quản lý thuế43

1.2.5.1. Đăng ký thuế, kê khai thuế và tính thuế43

1.2.5.2. Ấn định thuế47

1.2.5.3. Nộp thuế50

1.2.5.4. Ủy nhiệm thu thuế51

1.2.5.5. Trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế52

1.2.5.6. Miễn giảm thuế và hoàn thuế54

1.3. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ SỰ ĐỔI MỚI VỀ HỆ THỐNG THUẾ TẠI VIỆT NAM

1.3.1. Khái quát về hệ thống chính sách thuế Việt Nam56

1.3.2. Khái quát về tổ chức bộ máy quản lý thu thuế59

1.4. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KẾ TOÁN THUẾ VIỆT NAM

1.4.1. Khái niệm kế toán thuế.....	61
1.4.2. Phân biệt kế toán thuế, kế toán tài chính và kế toán quản trị.....	62
1.4.3. Các bộ phận cấu thành hệ thống kế toán thuế.....	63
1.4.3.1. Hệ thống chứng từ và quy trình luân chuyển chứng từ.....	63
1.4.3.2. Hệ thống tài khoản kế toán.....	73
1.4.3.3. Hệ thống sổ kế toán thuế.....	75
1.4.3.4. Hệ thống báo cáo kế toán thuế.....	88
1.4.4. Nhiệm vụ kế toán thuế.....	89

Chương 2

THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

2.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	
2.1.1. Khái niệm.....	91
2.1.2. Đối tượng nộp thuế.....	93
2.1.3. Đối tượng chịu thuế.....	93
2.1.4. Căn cứ tính thuế.....	97
2.1.4.1. Giá tính thuế giá trị gia tăng.....	98
2.1.4.2. Thuế suất thuế giá trị gia tăng.....	115
2.1.5. Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng.....	116
2.1.5.1. Phương pháp khấu trừ thuế.....	116
2.1.5.2. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng.....	121

2.1.6. Quy định về hóa đơn chứng từ.....	123
2.1.7. Kê khai thuế và nộp thuế giá trị gia tăng.....	124
2.1.8. Hồ sơ kê khai thuế GTGT.....	125
2.1.9. Hoàn thuế giá trị gia tăng	125
2.2. KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	
2.2.1. Kế toán thuế GTGT đầu ra.....	130
2.2.1.1. Chứng từ kế toán.....	130
2.2.1.2. Tài khoản kế toán.....	131
2.2.1.3. Trình tự kế toán.....	132
2.2.2. Kế toán thuế GTGT đầu vào	137
2.2.2.1. Chứng từ kế toán.....	137
2.2.2.2. Tài khoản kế toán.....	138
2.2.2.3. Trình tự kế toán.....	139
2.2.3. Sổ sách kế toán.....	143
2.3. MỘT SỐ SAI PHẠM LIÊN QUAN ĐẾN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	145

Chương 3

THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT VÀ KẾ TOÁN THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

3.1. THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

3.1.1. Khái quát chung về thuế tiêu thụ đặc biệt.....	148
3.1.1.1. Khái niệm và đặc điểm thuế TTĐB	148
3.1.1.2. Vị trí và vai trò của thuế TTĐB	151

3.1.2. Phạm vi áp dụng của thuế tiêu thụ đặc biệt.....	151
3.1.2.1. Đối tượng nộp thuế TTĐB.....	151
3.1.2.2. Đối tượng chịu thuế, đối tượng không thuộc diện chịu thuế.....	152
3.1.3. Phương pháp tính và căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt.....	154
3.1.3.1. Phương pháp và nguyên tắc xác định giá tính thuế TTĐB	154
3.1.3.2. Giá tính thuế TTĐB trong một số trường hợp cụ thể.....	155
3.1.3.3. Đồng tiền xác định giá tính thuế	159
3.1.3.4. Thời điểm xác định giá tính thuế	159
3.1.3.5. Thuế suất	159
3.1.4. Đăng ký thuế, tính thuế và kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt.....	163
3.1.4.1. Đăng ký thuế tiêu thụ đặc biệt	163
3.1.4.2. Kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt	164
3.1.4.3. Hồ sơ khai thuế tiêu thụ đặc biệt.....	166
3.1.5. Nộp thuế, hoàn thuế và khấu trừ thuế TTĐB	186
3.2. KẾ TOÁN THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT	
3.2.1. Chứng từ và thủ tục liên quan	190
3.2.2. Tài khoản sử dụng.....	191
3.2.3. Trình tự kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt.....	193
3.2.4. Sổ sách kế toán.....	196

Chương 4

THUẾ XUẤT, NHẬP KHẨU VÀ KẾ TOÁN THUẾ XUẤT, NHẬP KHẨU

4.1. THUẾ XUẤT KHẨU VÀ THUẾ NHẬP KHẨU

4.1.1. Khái quát chung về thuế xuất, nhập khẩu.....	199
4.1.1.1. Khái niệm và đặc điểm.....	199
4.1.1.2. Vị trí, vai trò và chức năng của thuế xuất nhập khẩu ...	201
4.1.2. Thuế XNK của Việt Nam - quá trình hình thành và phát triển.....	202
4.1.3. Nội dung của Luật thuế xuất nhập khẩu của Việt Nam.....	204
4.1.3.1. Đối tượng chịu thuế và đối tượng nộp thuế XNK....	204
4.1.3.2. Đối tượng được ủy quyền, bảo lãnh và nộp thay thuế.....	205
4.1.3.3. Thời điểm tính thuế, tỷ giá xác định trị giá tính thuế, đồng tiền nộp thuế.....	205
4.1.4. Căn cứ và phương pháp tính thuế.....	206
4.1.4.1. Trường hợp hàng hóa áp dụng thuế suất theo tỷ lệ %.....	207
4.1.4.2. Trường hợp hàng hóa áp dụng thuế tuyệt đối	219
4.1.4.3. Trường hợp tính thuế hỗn hợp.....	220
4.1.5. Kê khai và nộp thuế xuất, nhập khẩu	220
4.1.5.1. Nguyên tắc khai thuế và nộp thuế.....	220
4.1.5.2. Nguyên tắc quản lý thuế xuất nhập khẩu	221

4.1.5.3. Hồ sơ thuế xuất nhập khẩu.....	222
4.1.5.4. Thời điểm tính thuế, thời hạn nộp, và nơi nộp thuế XNK	223
4.1.6. Miễn thuế, xét miễn thuế và giảm thuế	227
4.1.6.1. Miễn thuế.....	227
4.1.6.2. Xét miễn thuế.....	233
4.1.6.3. Xét giảm thuế.....	233
4.1.6.4. Hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	233
4.2. KẾ TOÁN THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU	
4.2.1. Chứng từ và thủ tục liên quan	235
4.2.2. Tài khoản kế toán	268
4.2.3. Trình tự kế toán thuế xuất khẩu.....	270
4.2.4. Phương pháp kế toán thuế nhập khẩu.....	272
4.2.5. Sổ sách kế toán.....	274

Chương 5

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP VÀ KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

5.1. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	
5.1.1. Khái niệm và đặc điểm thuế thu nhập doanh nghiệp	277
5.1.2. Đối tượng nộp thuế.....	279
5.1.3. Thu nhập chịu thuế.....	280
5.1.4. Thu nhập được miễn thuế.....	282

5.1.5. Kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp	285
5.1.6. Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp	286
5.1.7. Xác định các căn cứ tính thuế	290
5.1.8. Doanh thu để xác định thu nhập chịu thuế	298
5.1.9. Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	302
5.1.9.1. Các điều kiện xác định chi phí được trừ	303
5.1.9.2. Các khoản chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	304
5.1.10. Xác định thu nhập tính thuế và thuế TNDN đối với chuyển nhượng bất động sản	318
5.1.11. Xác định thu nhập tính thuế và thuế TNDN đối với chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán	323
5.1.12. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp	328
5.2. KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	
5.2.1. Chứng từ kế toán	338
5.2.2. Tài khoản kế toán	339
5.2.3. Trình tự kế toán	339
5.2.4. Sổ sách kế toán sử dụng	341
5.3. KÊ KHAI TẠM TÍNH, QUYẾT TOÁN THUẾ VÀ KẾ TOÁN THUẾ TNDN	
5.3.1. Kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp	343
5.3.2. Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp	344
5.4. RỦI RO TRONG QUYẾT TOÁN THUẾ KHÔNG CHÍNH XÁC	349

Chương 6

THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN VÀ KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

6.1. THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN Ở VIỆT NAM

6.1.1. Lý luận chung về thuế thu nhập cá nhân351

6.1.2. Quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân355

6.1.2.1. Đối tượng nộp thuế.....355

6.1.2.2. Thu nhập chịu thuế.....358

6.1.2.3. Thu nhập được miễn thuế.....370

6.1.2.4. Giảm thuế.....372

6.1.3. Phương pháp tính thuế đối với cá nhân cư trú.....373

6.1.3.1. Đối với thu nhập từ kinh doanh và tiền lương,
tiền công.....374

6.1.3.2. Đối với thu nhập từ đầu tư vốn.....390

6.1.3.3. Đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn.....391

6.1.3.4. Đối với thu nhập từ chuyển nhượng BĐS.....397

6.1.3.5. Đối với thu nhập từ bản quyền.....403

6.1.3.6. Đối với thu nhập từ nhượng quyền thương mại.....404

6.1.3.7. Đối với thu nhập từ trúng thưởng.....405

6.1.3.8. Đối với thu nhập từ thừa kế, quà tặng.....408

6.1.4. Phương pháp và các tính thuế đối với cá nhân
không cư trú.....409

6.1.5. Đăng ký, kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế.....415

6.1.5.1. Đăng ký thuế.....415

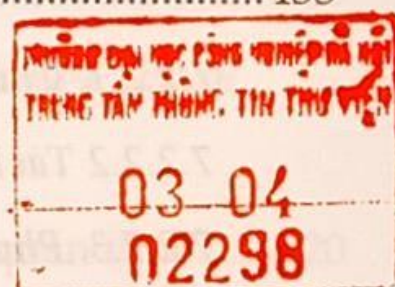
6.1.5.2. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế TNCN đối với tổ chức, cá nhân trả thuế TNCN	415
6.1.5.3. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công; cá nhân có thu nhập từ kinh doanh.....	421
6.1.5.4. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản.....	428
6.1.5.5. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn (trừ chuyển nhượng chứng khoán)	433
6.1.5.6 Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.....	454
6.1.5.7. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng	437
6.1.5.8. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có thu nhập phát sinh tại nước ngoài ...	439
6.1.5.9. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế TNCN đối với cá nhân không cư trú có thu nhập phát sinh tại Việt Nam nhưng nhận thu nhập ở nước ngoài	441
6.1.5.10. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ đầu tư vốn trong trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu, lợi tức ghi tăng vốn	442
6.1.5.11. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán, chuyển nhượng bất động	

sản trong trường hợp góp vốn bằng phần vốn góp, góp vốn bằng chứng khoán, góp vốn bằng bất động sản	443
6.1.5.12. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ thưởng bằng cổ phiếu.....	444
6.1.5.13. Khai thuế, hồ sơ thuế, nộp thuế TNCN.....	445
6.2. KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN THEO CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM	
6.2.1. Chứng từ kế toán và thủ tục kế toán	453
6.2.2. Tài khoản sử dụng.....	453
6.2.3. Trình tự kế toán	454
6.2.4. Sổ sách kế toán.....	455

Chương 7

CÁC LOẠI THUẾ KHÁC

VÀ KẾ TOÁN CÁC LOẠI THUẾ KHÁC



7.1. THUẾ TÀI NGUYÊN VÀ KẾ TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN	
7.1.1. Thuế tài nguyên	457
7.1.1.1. Khái niệm và công dụng của thuế tài nguyên.....	457
7.1.1.2. Phạm vi áp dụng thuế tài nguyên.....	459
7.1.1.3. Căn cứ tính thuế.....	460
7.1.1.4. kê khai thuế và nộp thuế tài nguyên.....	473
7.1.1.5. Quy định về miễn, giảm thuế.....	475
7.1.2. Kế toán thuế tài nguyên	475

7.1.2.1. Chứng từ và thủ tục kế toán	475
7.1.2.2. Tài khoản và trình tự kế toán	475
7.1.2.3. Sổ sách kế toán	476
7.2. THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ KẾ TOÁN THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	
7.2.1. Thuế bảo vệ môi trường	478
7.2.1.1. Khái quát chung về thuế bảo vệ môi trường	478
7.2.1.2. Căn cứ và phương pháp tính thuế BVMT	483
7.2.1.3. kê khai thuế, tính thuế, nộp thuế và hoàn thuế BVMT.....	486
7.2.1.4. Hoàn thuế.....	492
7.2.2. Kế toán thuế bảo vệ môi trường.....	493
7.2.2.1. Chứng từ và thủ tục kế toán	493
7.2.2.2 Tài khoản sử dụng.....	493
7.2.2.3. Phương pháp kế toán thuế BVMT	494
7.2.2.4. Sổ sách kế toán sử dụng	496

Chương 8

KIỂM TRA VÀ THANH TRA THUẾ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP

8.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KIỂM TRA VÀ THANH TRA THUẾ	
8.1.1. Khái niệm.....	497
8.1.2. Đặc điểm của kiểm tra và thanh tra thuế.....	498

8.1.3. Phân loại kiểm tra và thanh tra thuế	500
8.1.4. Vai trò của kiểm tra và thanh tra thuế	501
8.2. NỘI DUNG CỦA KIỂM TRA VÀ THANH TRA THUẾ	
8.2.1. Kiểm tra và thanh tra đối tượng nộp thuế.....	502
8.2.2. Kiểm tra và thanh tra nội bộ ngành thuế.....	504
8.3. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA VÀ THANH TRA THUẾ	
8.3.1. Phương pháp kỹ thuật quản lý rủi ro.....	506
8.3.2. Phương pháp đối chiếu, so sánh	508
8.3.3. Phương pháp kiểm tra tài liệu	509
8.3.3.1. Nội dung kiểm tra	509
8.3.3.2. Phương pháp kiểm tra	513
8.3.4. Các phương pháp kiểm tra khác	519
8.4. QUY TRÌNH KIỂM TRA THUẾ DO CƠ QUAN THUẾ THỰC HIỆN	
8.4.1. Kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế.....	520
8.4.2. Kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế.....	524
8.4.3. Tổng hợp báo cáo và lưu giữ tài liệu kiểm tra thuế.....	531
8.5. QUY TRÌNH THANH TRA THUẾ DO CƠ QUAN THUẾ THỰC HIỆN	
8.5.1. Xây dựng kế hoạch thanh tra năm.....	533
8.5.2. Thanh tra tại trụ sở người nộp thuế	536
8.5.3. Nhập dữ liệu thanh tra và chế độ báo cáo.....	545
8.6. TỔ CHỨC CÔNG TÁC KIỂM TRA VÀ THANH TRA THUẾ	
8.6.1. Tổ chức bộ máy kiểm tra và thanh tra thuế.....	546

8.6.2. Xây dựng và thực hiện quy trình kiểm tra thuế và thanh tra thuế.....	548
8.7. CÔNG TÁC KIỂM TRA VÀ THANH TRA THUẾ TẠI CHI CỤC THUẾ	
8.7.1. Xây dựng kế hoạch kiểm tra và thanh tra thuế.....	550
8.7.2. Nội dung kiểm tra và thanh tra thuế.....	551
8.7.2.1. Kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan thuế.....	551
8.7.2.2. Kiểm tra và thanh toán thuế tại trụ sở người nộp thuế.....	554
8.7.2.3. Tăng cường kiểm tra và thanh tra thuế.....	556